

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/KDTM-ST

Ngày: 17-11-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 125/2020/TLST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ; địa chỉ trụ sở: Phường 01, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Anh V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020): Bà Hồ Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P; Địa chỉ trụ sở: Xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Hạnh N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Bà Hồ Thị D trình bày:

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ (ICC) (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (gọi tắt là Công ty P) đã ký các Hợp đồng dịch vụ số 08/HDVC2019 ký ngày 05/8/2019, Hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký cùng ngày 16/8/2019 và Hợp đồng dịch vụ số 01/HDTL2019 ký ngày 18/9/2019. Theo đó, dịch vụ mà Công ty Đ cung cấp cho Công ty P là cho thuê xe ô tô tự lái bao gồm 02 (hai) chiếc xe Toyota Innova và 01 (một) chiếc xe Toyota Fortuner, các chi phí liên quan khác như nhiên liệu, phí cầu đường, bến bãi và tất cả các chi phí phát sinh khác trong thời gian thuê do bên thuê chịu trách nhiệm chi trả.

Trong suốt thời gian cho thuê xe, Công ty P chỉ thanh toán được một phần phí thuê xe và tiền đặt cọc cho Công ty Đ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Đ đã thu hồi được 03 xe ô tô theo các hợp đồng nêu trên nhưng Công ty P vẫn chưa thanh toán đủ phí thuê xe cho Công ty Đ. Tổng số tiền phí dịch vụ thuê xe còn thiếu là 324.852.414 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng). Công ty Đ đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ, tuy nhiên phía Công ty P không có thiện chí trong việc thanh toán.

Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ (ICC) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P thanh toán tiền phí thuê xe còn thiếu số tiền: 324.852.414 đồng.

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận hợp đồng hai bên đã ký kết số tiền 40.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả theo lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng tính đến ngày 17/11/2021 là 66.592.930 đồng (Sáu mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn chín trăm ba mươi đồng). Cụ thể: Đối với hợp đồng dịch vụ số 08/HDVC2019 ký ngày 05/8/2019: 31.761.013 đồng; hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký cùng ngày 16/8/2019: 12.246.248 đồng; hợp đồng dịch vụ số 01/HDTL2019 ký ngày 18/9/2019: 22.585.668 đồng.

Tổng số tiền Công ty Đ yêu cầu Công ty P phải thanh toán là 431.445.344 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

** Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:

** Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

** Về đường lối giải quyết vụ án:*

Việc ký kết các hợp đồng 08/HDVC2019 ngày 05/8/2019, 09/HDVC2019 ngày 16/8/2019, 01/HDTL2019 ngày 18/9/2019 giữa Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P đã tuân thủ các quy định của pháp luật về cho thuê tài sản, những nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của pháp luật nên các hợp đồng 08/HDVC2019 ngày 05/8/2019, 09/HDVC2019 ngày 16/8/2019, 01/HDTL2019 ngày 18/9/2019 có giá trị thực hiện đối với các bên đã ký kết.

Do Công ty P vi phạm các thỏa thuận về thanh toán, sử dụng xe không đúng mục đích thuê xe đã thỏa thuận tại các hợp đồng nêu trên nên Công ty Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng, yêu cầu Công ty P phải thanh toán phần phí dịch vụ còn thiếu, tiền lãi chậm trả và chịu phạt vi phạm hợp đồng. Từ đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ yêu cầu Công ty P thanh toán tiền phí thuê xe, phí phát sinh, phạt vi phạm, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ các Điều 418, 472, 473, 480, 481 Bộ luật Dân sự; các Điều 300, 301, 306 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại P phải thanh toán tiền phí thuê xe, phí phát sinh của Hợp đồng số 08/HDVC2019 ngày 05/8/2019, 09/HDVC2019 ngày 16/8/2019, 01/HDTL2019 ngày 18/9/2019 là 324.852.414 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 40.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P có địa chỉ trụ sở tại: 1011, Ấp 1, xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị Diệu có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P ký các hợp đồng dịch vụ nhưng bản chất là hợp đồng thuê xe, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản”.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/7/2020, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khởi kiện của Công ty Đ, khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán tiền thuê xe, tiền lãi do chậm thực hiện thanh toán đối với các hợp đồng số 08/HDVC2019 ngày 05/8/2019, 09/HDVC2019 ngày 16/8/2019, 01/HDTL2019 ngày 18/9/2019. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển đơn cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo đúng thẩm quyền. Như vậy, căn cứ Điều 319 Luật thương mại, các hợp đồng này vẫn còn thời hiệu để khởi kiện.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Đối với yêu cầu trả tiền phí thuê xe:

Theo nội dung thỏa thuận tại 03 Hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng dịch vụ số 08/HDVC2019 ký ngày 05/08/2019; Hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký ngày 16/08/2019 (và) Hợp đồng dịch vụ số 01/HDTL2019 ký ngày 18/09/2019 giữa Công ty Đ và Công ty P thì Công ty P thuê 03 (ba) xe ô tô, trong đó 02 (hai) chiếc xe Toyota Innova và 01 (một) chiếc xe Toyota Fortuner. Công ty Đ đã bàn giao các xe ô tô này cho người đại diện của Công ty P là bà Nguyễn Hạnh Nguyên theo các Biên bản bàn giao xe ký cùng ngày với ngày ký kết các Hợp đồng dịch vụ như đã nêu trên.

- Đối với hợp đồng dịch vụ số 08/HDVC2019 ký ngày 05/08/2019, Công ty P chỉ đặt cọc cho Công ty Đ khoản tiền 11.000.000 đồng và chưa thanh toán phí thuê xe. Tính đến ngày Công ty Đ thu hồi được xe là ngày 26/02/2020, Công ty P còn nợ phí thuê xe đối với hợp đồng này số tiền 150.265.655 đồng.

- Đối với hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký ngày 16/08/2019, Công ty P đã đặt cọc cho Công ty Đ 10.000.000 đồng và thanh toán 20.000.000 đồng tiền phí thuê xe. Tính đến ngày Công ty Đ thu hồi được xe là ngày 19/11/2019, Công ty P còn nợ phí thuê xe đối với hợp đồng này số tiền 61.026.759 đồng.

- Đối với hợp đồng dịch vụ số 01/HDTL2019 ký ngày 18/09/2019, Công ty P đặt cọc cho Công ty Đ 20.000.000 đồng và thanh toán 8.000.000 đồng tiền phí thuê xe 10 ngày. Tính đến ngày Công ty Đ thu hồi được xe là ngày 10/3/2020, Công ty P còn nợ phí thuê xe đối với hợp đồng này số tiền 113.560.000 đồng.

Tổng cộng, Công ty P chưa thanh toán phí thuê xe theo 03 Hợp đồng trên là 324.852.414 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng*).

Như vậy, sau khi ký hợp đồng thuê xe, Công ty P đã vi phạm không thanh toán phí thuê xe theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng, sử dụng xe không đúng mục đích. Công ty Đ đã phải nhờ cơ quan Công an truy tìm mới nhận lại được 03 chiếc xe đã cho thuê. Hồ sơ thể hiện có các biên bản bàn giao xe từ cơ quan Công an cho Công ty Đ.

Do đó, việc Công ty Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu buộc Công ty P phải thanh toán tiền phí thuê xe còn thiếu là 324.852.414 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền lãi chậm trả:

Xét thấy, trong các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên không có điều khoản thỏa thuận về việc yêu cầu lãi suất nếu như chậm thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại, Công ty Đ có quyền yêu cầu tiền lãi do Công ty P chậm thanh toán. Tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán được tính trên cơ sở lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Áp dụng Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo đó, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ mức lãi suất cho vay doanh nghiệp trung bình của ba Ngân hàng trên tại thời điểm xét xử là 6,19%.

Như vậy, việc Công ty Đ tính toán mức lãi suất và yêu cầu Công ty P phải thanh toán tổng số tiền lãi của 03 Hợp đồng nêu trên số tiền 66.592.930 đồng (Trong đó, hợp đồng 08/HDVC2019 ký ngày 05/08/2019 là 31.761.013 đồng; hợp đồng 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký ngày 16/08/2019 là 12.246.248 đồng; hợp đồng số 01/HDTL2019 ký ngày 18/09/2019 là 22.585.668 đồng) là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[5.3] Đối với yêu cầu tiền phạt:

Theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng dịch vụ số 08/HDVC2019 ký ngày 05/08/2019 và Hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 09/HDVC2019 ký ngày 16/08/2019 thì trong trường hợp Công ty P vi phạm hợp đồng thì phải chịu phạt 01 tháng tiền thuê xe tương ứng với giá thuê xe.

Do đó, việc Công ty Đ yêu cầu buộc Công ty P phải chịu tiền phạt vi phạm Hợp đồng tổng số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể theo Hợp đồng dịch vụ số 08 là 22.000.000 đồng và Hợp đồng dịch vụ số 09 là 18.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ các nhận định trên đây, căn cứ các điều 418, 472, 473, 480, 481 Bộ luật Dân sự; các điều 300, 301, 306 Luật Thương mại và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền 431.445.344 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng), gồm các khoản sau:

- Tiền phí thuê xe còn thiếu: 324.852.414 đồng.
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng: 40.000.000 đồng.
- Tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/11/2021: 66.592.930 đồng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P phải chịu 21.257.813 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ 10.667.000 đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007218 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 30, 35, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 418, 472, 473, 480, 481 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các điều 300, 301, 306 Luật Thương mại;

Áp dụng Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P thanh toán cho Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ tổng số tiền 431.445.344 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P phải chịu 21.257.813 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và đầu tư Đ 10.667.000 đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007218 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Duyên